



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

| TT | Môn học (Tiếng Việt)                               | Môn học (Tiếng Anh)                                  | Mã môn học | Bộ môn quản lý                     | Tín chỉ    | HK1       | HK2       | HK3       | HK4       | HK5       | HK6       | HK7       | HK8       | HK9       |
|----|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------|------------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 2  | Khởi nghiệp                                        | Business Startup                                     | BAEU201    | Quản trị kinh doanh                | 2          |           |           |           |           |           |           |           | 2         |           |
| 3  | Năng lượng sinh khối                               | Energy Generation from Biomass                       | REN448     | Thủy điện và năng lượng tái tạo    | 2          |           |           |           |           |           |           | 2         |           |           |
| 4  | Năng lượng địa nhiệt                               | Geothermal energy                                    | REN449     | Thủy điện và năng lượng tái tạo    | 2          |           |           |           |           |           |           | 2         |           |           |
| 5  | Chất lượng điện năng                               | Electric power quality                               | EPOW371    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 3          |           |           |           |           |           |           | 3         |           |           |
| 6  | Máy điện nâng cao                                  | Advanced Electric Machines                           | EPOW372    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 3          |           |           |           |           |           |           | 3         |           |           |
| 7  | Thí nghiệm hệ thống điện 1                         | Power System Lab 1                                   | EPOW378    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 1          |           |           |           |           |           |           | 1         |           |           |
| 8  | Thí nghiệm hệ thống điện 2                         | Power System Lab 2                                   | EPOW388    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 1          |           |           |           |           |           |           |           | 1         |           |
| 9  | Quy hoạch hệ thống điện                            | Power System Planning and Development                | EPOW382    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 3          |           |           |           |           |           |           |           | 3         |           |
| 10 | Thiết kế máy điện                                  | design of electrical machinery                       | EPOW384    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 3          |           |           |           |           |           |           |           | 3         |           |
| 11 | Công nghệ tích trữ năng lượng                      | Energy Storage Technology                            | EST450     | Thủy điện và năng lượng tái tạo    | 2          |           |           |           |           |           |           |           | 2         |           |
| 12 | Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp              | Industrial instrumentation and control systems       | EEQM278    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 3          |           |           |           |           |           |           |           | 3         |           |
| 13 | Tin học ứng dụng trong kỹ thuật năng lượng tái tạo | Applied informatics for renewabla energy engineering | AIREN417   | Thủy điện và năng lượng tái tạo    | 3          |           |           |           |           |           |           |           | 3         |           |
| 14 | Nhập môn lập trình                                 | Introduction to Computer Programming                 | CSE102     | Tin học và Kỹ thuật tính toán      | 3          |           |           |           |           |           |           | 3         |           |           |
| 15 | Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp       | Electrical Aspects of Power Plant & Substation       | EEQM262    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 3          |           |           |           |           |           |           | 3         |           |           |
| 16 | Thủy điện nhỏ                                      | Mini Hydropower                                      | NHP418     | Thủy điện và năng lượng tái tạo    | 3          |           |           |           |           |           |           |           | 3         |           |
| 17 | Chất lượng điện năng                               | Electric Power Quality                               | EPOW371    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 3          |           |           |           |           |           |           | 3         |           |           |
| 18 | Hệ thống điều khiển và giám sát (SCADA)            | Supervisory control and data acquisition (SCADA)     | AUTO384    | Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa | 3          |           |           |           |           |           |           | 3         |           |           |
| 19 | Đồ án tự động hóa hệ thống điện                    | Automation in Power System                           | EPOW396    | Kỹ thuật điện, điện tử             | 2          |           |           |           |           |           |           |           | 2         |           |
|    | <b>Tổng cộng (I + II)</b>                          | <b>Total (I + II)</b>                                |            |                                    | <b>155</b> | <b>14</b> | <b>13</b> | <b>19</b> | <b>20</b> | <b>18</b> | <b>18</b> | <b>19</b> | <b>20</b> | <b>14</b> |